

Đánh giá theo phương pháp chấm điểm:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản. Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, Chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

N = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Mức điểm tối thiểu
A	NĂNG LỰC NHÀ THẦU	45	31
1	Tính Pháp lý và Uy tín của nhà thầu	8	6
1.1	Nhà thầu phải có giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp. Trong đó có nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy, nổ <i>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh. Thành viên trong liên danh không đáp ứng thì liên danh đó được đánh giá không đáp ứng.</i>	3	3
	Không đáp ứng yêu cầu	0	
	Đáp ứng yêu cầu	3	
1.2	Uy tín của nhà thầu: Nhà thầu cam kết bằng văn bản không vi phạm các kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2015/NĐ-CP ngày 04/08/2025 và các văn bản cam kết theo yêu cầu tại Chương V E-HSMT <i>* Trường hợp liên danh từng nhà thầu trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu này</i>	3	3
	Không có cam kết	0	
	Có cam kết bằng văn bản	3	
1.3	Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu hoặc xếp hạng tín nhiệm tài chính	2	
	Nhà thầu Không có chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng hoặc có chứng nhận quản lý chất lượng nhưng hết hiệu lực	0	
	Nhà thầu có chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng và còn hiệu lực	2	
2	Năng lực Kinh nghiệm của nhà thầu	12	
2.1	Số lượng các hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (hoặc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản có nội dung bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc) đối nhà máy sản xuất sắt, thép, gang thép, luyện kim mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn (80% thời hạn bảo hiểm của hợp đồng) với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong khoảng thời gian từ 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu.	6	
	Dưới 01 hợp đồng	0	
	Từ 01 hợp đồng đến 03 hợp đồng	2	
	Trên 03 hợp đồng	4	

	<p>* Trong trường hợp liên danh, được tính bằng tổng số hợp đồng của các thành viên trong liên danh. Hợp đồng tương tự được tính theo 01 chu kỳ (01 năm). Các thành viên trong liên nộ cùng 01 hợp đồng giống nhau thì chỉ được tính là 01 hợp đồng. Trường hợp tất cả các thành viên trong liên danh đều có hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (hoặc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản có nội dung bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc) đối nhà máy sản xuất sắt, thép, gang thép, luyện kim đã hoàn thành trong khoảng thời gian từ 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu thì điểm của liên danh được tính theo thang điểm như trên và được cộng thêm 2 điểm.</p>	2	
2.2	<p>Số lượng các vụ việc nhà thầu đã hoàn thành giải quyết hoặc bồi thường lần 1 hoặc tạm ứng bồi thường đối với các tổn thất về bảo hiểm cháy, nổ (hoặc mọi rủi ro tài sản có nội dung bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc) có số tiền bồi thường từ 1 tỷ đồng trở lên trong khoảng thời gian kể từ 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu</p> <p>* Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh kèm theo: Thông báo bồi thường, Thư chấp nhận bồi thường, và các tài liệu chứng minh vụ việc giải quyết tổn thất đáp ứng theo yêu cầu...</p>	6	
	Dưới 01 vụ việc	0	
	Từ 01 vụ việc đến 03 vụ việc	2	
	Trên 03 vụ việc trở lên	4	
	<p>* Trong trường hợp liên danh, được tính bằng tổng vụ số vụ tổn thất của các thành viên trong liên danh. Trường hợp tất cả các thành viên trong liên danh đều có vụ việc giải quyết tổn thất về bảo hiểm cháy, nổ (hoặc mọi rủi ro tài sản có nội dung bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc) và trong đó có 1 vụ tổn thất tài sản về bảo hiểm cháy, nổ (hoặc mọi rủi ro tài sản có nội dung bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc) đối với nhà máy sản xuất sắt, thép, gang thép, luyện kim đã hoàn thành giải quyết bồi thường trong khoảng thời gian từ 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu thì điểm của liên danh được tính theo thang điểm như trên và được cộng thêm 2 điểm.</p>	2	
3	<p>Năng lực tài chính</p> <p>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với thành viên đứng đầu trong liên danh</p>	25	
3.1	Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2024	5	
	Dưới 400 tỷ đồng	0	

	Từ 400 tỷ đồng - dưới 800 tỷ đồng	1	
	Từ 800 tỷ đồng - dưới 1.200 tỷ đồng	2	
	Trên 1.200 tỷ đồng	5	
3.2	Quỹ dự phòng dao động lớn tại thời điểm 31/12/2024	5	
	Dưới 50 tỷ đồng	0	
	Từ 50 tỷ đồng - dưới 100 tỷ đồng	1	
	Từ 100 tỷ đồng - dưới 150 tỷ đồng	2	
	Trên 150 tỷ đồng	5	
3.3	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong 03 năm 2022,2023,2024 (<i>Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm = Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm- Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>)	5	
	cả 3 năm âm	0	
	có 2 năm âm	1	
	có 1 năm âm	2	
	cả 3 năm đều dương	5	
3.4	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán tại thời điểm 31/12/2024 (<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán = Biên khả năng thanh toán/biên khả năng thanh toán tối thiểu</i>)	5	
	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán < 1	0	
	$1 \leq$ Tỷ lệ biên khả năng thanh toán < 1,3	1	
	$1,3 \leq$ Tỷ lệ biên khả năng thanh toán < 1,5	2	
	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán $\geq 1,5$	5	
3.5	Tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm thuần hàng năm trong 03 năm: 2022,2023,2024	5	
	Dưới 0%	0	
	Từ 0% đến 1%	1	
	Trên 1% đến 2%	2	
	Trên 2%	5	
B	YÊU CẦU BẢO HIỂM	55	39
1	Chương trình bảo hiểm (bao gồm thực hiện + thu xếp tái bảo hiểm + quy trình giải quyết bồi thường)	21	12
1.1	Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu trong suốt toàn bộ thời hạn bảo hiểm: - Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của gói thầu. - Sơ đồ thể hiện quy trình - Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan: Người mua bảo hiểm- Công ty môi giới bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Công ty giám định độc lập.	5	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh sơ đồ thể hiện quy trình và sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan; - Quy trình gia hạn hiệu lực bảo hiểm; Phí bảo hiểm trong thời gian gia hạn. Cam kết mức phí bảo hiểm bổ sung trong thời gian gia hạn không được vượt quá mức phí và tỷ lệ phí theo hợp đồng đã giao kết. 		
	Nhà thầu không đề xuất trình bày các quy trình sơ đồ thể hiện sự liên kết giữa các đối tượng liên quan	0	
	Nhà thầu đề xuất trình bày các quy trình, sơ đồ không đầy đủ rõ ràng	3	
	Nhà thầu đề xuất và trình bày các quy trình sơ đồ đầy đủ rõ ràng, chi tiết và thể hiện sự liên kết chặt chẽ giữa tất cả mọi đối tượng liên quan chương trình bảo hiểm của gói thầu	5	
1.2	<p>Quy trình về giải quyết bồi thường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của gói thầu, có Sơ đồ thể hiện quy trình, Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan: Người mua bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Công ty môi giới bảo hiểm - Công ty giám định độc lập; Tài liệu hướng dẫn Người được bảo hiểm yêu cầu bồi thường khi phát sinh sự kiện bảo hiểm; thời gian tối đa từng giai đoạn, thời gian thông báo bằng văn bản kể từ ngày xảy ra tổn thất. - Quy trình giải quyết bồi thường đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận 	5	3
	Không có quy trình, tài liệu hướng dẫn Người được bảo hiểm.	0	
	Có quy trình và tài liệu hướng dẫn nhưng không cụ thể rõ ràng, không đầy đủ thông tin, không phù hợp với gói thầu đang xét, không đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận	3	
	Quy trình rõ ràng đầy đủ nội dung và thể hiện được mối liên hệ giữa các bên liên quan đến gói thầu. Tài liệu hướng dẫn thuyết minh đầy đủ, chi tiết các nội dung, có thời gian giải quyết đối với từng giai đoạn, giải quyết bồi thường đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận	5	
1.3	Thời gian thanh toán bồi thường, trả tiền bảo hiểm kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm	5	
	≥ 15 ngày	3	

	< 15 ngày	5	
1.4	Đề xuất công ty giám định độc lập có uy tín, năng lực phù hợp với gói thầu	3	
	Không đề xuất hoặc đề xuất từ 05 công ty giám định độc lập trở xuống	1	
	Nhà thầu đề xuất trên 05 công ty giám định độc lập	3	
1.5	Điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường khi có tổn thất	3	
	Nhà thầu đề xuất điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường $\leq 55\%$	1	
	Nhà thầu đề xuất điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường $> 55\%$	3	
2	Yêu cầu về bảo hiểm, thu xếp bảo hiểm.	26	22
2.1	Yêu cầu về bảo hiểm	10	8
2.1.1	Yêu cầu về bản chào điều kiện, điều khoản bảo hiểm, nội dung chi tiết điều các điều khoản bổ sung của nhà thầu, dự thảo hợp đồng bảo hiểm	5	3
	Không có Bản chào điều kiện, điều khoản bảo hiểm của nhà thầu theo quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	0	
	Có Bản chào nhưng không đầy đủ nội dung theo yêu cầu và quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	3	
	Có Bản chào điều kiện, điều khoản bảo hiểm và nội dung chi tiết các điều khoản bổ sung của nhà thầu đầy đủ nội dung theo quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	5	
2.1.2	Tỷ lệ phí, phí bảo hiểm và mức khấu trừ	5	5
	Không tuân thủ theo quy định tại nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025	0	
	Tuân thủ theo quy định tại nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025	5	
2.2	Yêu cầu về thu xếp chương trình bảo hiểm	16	14
2.2.1	- Có chương trình thu xếp bảo hiểm. Trong đó nêu chi tiết tên và tỷ lệ từng nhà tái bảo hiểm (nếu có), tỷ lệ giữ lại của nhà thầu. - Nêu rõ tên của nhà tái đứng đầu của gói thầu. - Thu xếp đủ 100% số tiền bảo hiểm của gói thầu	5	5
	Không thỏa mãn tối thiểu một điều kiện trên	0	
	Thỏa mãn tất cả điều kiện trên	5	

2.2.2	Mức giữ lại tối đa * Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh. Thành viên trong liên danh không đáp ứng thì liên danh đó được đánh giá không đáp ứng.	3	3
	>10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024	0	
	≤ 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024	3	
2.2.3	Xếp hạng của nhà tái bảo hiểm đứng đầu và nhà tái bảo hiểm nước ngoài nhận từ 10% tổng mức trách nhiệm Nhà thầu phải cung cấp bảng xếp hạng mới nhất của các tổ chức quốc tế để chứng minh vị trí xếp hạng của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm. * Trường hợp nhà thầu giữ lại 100% mức trách nhiệm của gói thầu thì được tính điểm tối đa cho mục này. Trường hợp liên danh đánh giá đối với thành viên đứng đầu trong liên danh	5	3
	Xếp hạng của nhà tái bảo hiểm đứng đầu và nhà tái bảo hiểm nước ngoài nhận từ 10% tổng mức trách nhiệm dưới mức "B++" theo Standard & Poors hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng tại năm tài chính gần nhất.	0	
	Xếp hạng của nhà tái bảo hiểm đứng đầu từ mức "B++" đến mức A theo Standard & Poors hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng tại năm tài chính gần nhất.	3	
	Xếp hạng của nhà tái bảo hiểm đứng đầu từ mức A trở lên theo Standard & Poors hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng tại năm tài chính gần nhất.	5	
2.2.4	Bản xác nhận của nhà tái bảo hiểm (Bản chào tái bảo hiểm tạm thời/Bản xác nhận hợp đồng tái có định) * Trường hợp nhà thầu giữ lại 100% mức trách nhiệm của gói thầu thì được tính điểm tối đa cho mục này.	3	3
	Không có bản xác nhận	0	
	Có bản xác nhận	3	
3	Phạm vi, điều kiện bảo hiểm	8	5
3.1	Phạm vi bảo hiểm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	5	5

3.2	Mỗi điều kiện, điều khoản bổ sung hoặc Giới hạn trách nhiệm (GHTN) do nhà thầu đề xuất có lợi cho Chủ đầu tư được cộng thêm 1 điểm nhưng tối đa không quá 3 điểm (không kể điều khoản quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT). Mỗi điều khoản bổ sung bất lợi cho Chủ đầu tư sẽ bị trừ đi 01 điểm (không trừ điểm đối với các điểm loại trừ được nêu ra tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT)	3	
Tổng số điểm		100	70

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

* Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:

a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);

b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.

c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;

d) Trao thầu cho nhà thầu đề xuất chương trình bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, điều kiện, điều khoản bổ sung có lợi hơn cho chủ đầu tư.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT: Không áp dụng

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không áp dụng